

CÔNG TY CỔ PHẦN CIENCO4 JAPAN BRIDGE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CIENCO4 JAPAN BRIDGE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CIENCO4 JAPAN BRIDGE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: C4JB

2. Mã số doanh nghiệp: 0109695039

3. Ngày thành lập: 06/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 10, tòa nhà ICON4, số 243A đường La Thành, Phường Láng Thượng, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.36420371

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất: Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa (không bao gồm: Dịch vụ sửa chữa xe cơ giới, xe máy, thiết bị, dụng cụ, đồ đạc gia đình và các mặt hàng tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị văn phòng và máy tính; Dịch vụ sửa chữa kèm theo những mặt hàng kim loại, máy móc và thiết bị) (CPC 884, 885).	3313
2.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất: Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa (không bao gồm: Dịch vụ sửa chữa xe cơ giới, xe máy, thiết bị, dụng cụ, đồ đạc gia đình và các mặt hàng tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị văn phòng và máy tính; Dịch vụ sửa chữa kèm theo những mặt hàng kim loại, máy móc và thiết bị) (CPC 884, 885).	3314
3.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất: Dịch vụ lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (CPC 884, 885)	3320
4.	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Dịch vụ xây dựng đối với các công trình xây dựng (CPC 512)	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Dịch vụ xây dựng đối với các công trình xây dựng (CPC 512)	4102
6.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt (CPC 516)	4321

7.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt (CPC 516)	4322
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt (CPC 516)	4329
9.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Dịch vụ hoàn thiện và kết thúc công trình xây dựng (CPC 517)	4330
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Công việc trước khi xây dựng tại các mặt bằng xây dựng (CPC 511); - Dịch vụ xây dựng phục vụ thể thao và giải trí (CPC 5137); - Dịch vụ lắp ráp và dựng các công trình được làm sẵn (CPC 514); - Dịch vụ xây dựng mang tính chất thương mại (CPC 515); - Các dịch vụ cho thuê liên quan đến trang thiết bị xây dựng hoặc tháo dỡ, đập bỏ các công trình xây dựng hay thiết kế dân dụng có người vận hành (CPC 518)	4390
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4610(Chính)
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật (CPC 622) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4649
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật (CPC 622) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4652
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật (CPC 622) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4663

15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật (CPC 632) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4719
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật (CPC 632) Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.	4752
17.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Các dịch vụ máy tính khác (CPC 849)	6209
18.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ thuế doanh nghiệp) (CPC 865) - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án khác với dịch vụ xây dựng (CPC 86601).	7020
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671) - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) - Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)	7110
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 86401)	7320
21.	Đại lý du lịch Chi tiết: Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471) Hướng dẫn viên du lịch trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải là công dân Việt Nam. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam.	7911
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính (CPC 845)	9511
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng gia dụng (CPC 633)	9512

24.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng gia dụng (CPC 633)	9521
25.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ dùng gia dụng (CPC 633)	9522
26.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất: Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa (không bao gồm: Dịch vụ sửa chữa xe cơ giới, xe máy, thiết bị, dụng cụ, đồ đạc gia đình và các mặt hàng tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị văn phòng và máy tính; Dịch vụ sửa chữa kèm theo những mặt hàng kim loại, máy móc và thiết bị) (CPC 884, 885).	3311
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất: Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa (không bao gồm: Dịch vụ sửa chữa xe cơ giới, xe máy, thiết bị, dụng cụ, đồ đạc gia đình và các mặt hàng tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị văn phòng và máy tính; Dịch vụ sửa chữa kèm theo những mặt hàng kim loại, máy móc và thiết bị) (CPC 884, 885).	3312

6. Vốn điều lệ: 12.300.000.000 VNĐ

Tương đương với 535.947 USD, tương đương với 60.000.000 JPY

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	G.K. WORLD BUSINESS INVESTMENT	1-1-6 Yotsuya Shinjuku-ku, Tokyo, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	610.941	6.109.410.000	49,670		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	610.941	6.109.410.000	49,670		
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CIENCO4	Tầng 10-11, Tòa nhà ICON4, số 243A đường Đê La Thành,, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	610.941	6.109.410.000	49,670		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	610.941	6.109.410.000	49,670		

3	NGUYỄN TÂM QUANG	Số 9 Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.118	81.180.000	0,660	011770236	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.118	81.180.000	0,660		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	G.K. WORLD BUSINESS INVESTMENT	1-1-6 Yotsuya Shinjuku-ku, Tokyo, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	610.941	6.109.410.000	49,670		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	610.941	6.109.410.000	49,670		

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN HUỖNH Giới tính: Nam

Chức danh: *Phó Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 13/11/1976 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 182130270

Ngày cấp: 06/11/2019 Nơi cấp: Công an Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số nhà 25, ngõ 14, đường Ngô Đức Kế, khối Phúc Tân, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 510, tòa nhà A6D, khu chung cư Nam Trung Yên, Phường Trưng Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: YOKOYAMA TORU Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị
Sinh ngày: 25/06/1947 Dân tộc: Quốc tịch: Nhật Bản
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TR9626699
Ngày cấp: 06/12/2017 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản
Địa chỉ thường trú: 1-16-14, Nijigaoka, Asou-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa, 215-0015,
Nhật Bản
Địa chỉ liên lạc: 1-16-14, Nijigaoka, Asou-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa, 215-0015,
Nhật Bản

* Họ và tên: SHIRAKURA KAZUHIRO Giới tính: Nam
Chức danh: Tổng giám đốc
Sinh ngày: 17/03/1960 Dân tộc: Quốc tịch: Nhật Bản
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ1169759
Ngày cấp: 12/10/2016 Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 5-17-6, Futsukaichi-Chuo, Chikushino-shi, Fukuoka, 818-0072,
Nhật Bản
Địa chỉ liên lạc: 5-17-6, Futsukaichi-Chuo, Chikushino-shi, Fukuoka, 818-0072, Nhật
Bản

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội